TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST Ngày: 10-9-2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thiệt Khá;

Bà Ngô Thị Diễm Thúy;

- ***T ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyền là T ký Tòa án nhân dân thị xã H.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thanh K, sinh năm 1976; Cư trú tại: khóm E, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Chí T, sinh năm 1975. Cư trú tại: Khóm E, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Chị Hà Thanh K trình bày:

Vào năm 1996 chị và Anh Bùi Chí T cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, nay là phường A, hôn nhân do cả hai tự tìm hiểu, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, Thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc, anh T không kiếm tiền lo cho vợ con mà chỉ uống rượu, khi về yêu cầu chị đưa tiền

nếu chị không đưa thì anh T sẽ kiếm chuyện cãi nhau và đánh chị. Vì Tơng con và gia đình động viên nên chị cố gắng sống nhưng nay anh T vẫn không thay đổi nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với Anh Bùi Chí T. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 06/9/2005 và Bùi Hoàng N, sinh ngày 27/11/2008, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Anh Bùi Chí T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt và từ khi thụ lý vụ án đến nay anh T không có bất kì văn bản nào gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Anh Bùi Chí T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hai lần nhưng anh T đều vắng mặt. Ngày 31/7/2019 Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh T. Ngày 02/8/2019 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh T (anh T từ chối nhận văn bản với lý do anh T cho rằng vợ chồng anh đang ổn định nên không đồng ý nhận văn bản nên đã tiến hành lập biên bản về việc anh T từ chối nhận văn bản theo đúng quy định). Ngày 21/8/2019 Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ cho anh T (Anh T từ chối nhận văn bản, đã lập biên bản về việc anh T từ chối nhận văn bản theo đúng quy định). Ngày 10/9/2019 Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm (lần 2) nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Hà Thanh K yêu cầu ly hôn với Anh Bùi Chí T. Xét thấy, chị K và anh T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Đối với yêu cầu ly hôn của chị K thì chị cho rằng anh T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, Thường xuyên kêu chị đưa tiền nếu chị không đưa thì anh T sẽ kiếm chuyện đánh chị, trong quá trình giải quyết vụ án thì chị K có cung cấp bản khai của chị Huỳnh Thị C chứng minh việc chị K đã từng bị anh T đánh, anh T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Xét thấy, chị C là em dâu của chị K và lời khai của chị C chỉ có một phía nên chưa đảm bảo tính khách quan. Tuy nhiên, căn cứ vào bản khai của cháu T và cháu N khi thể hiện nguyện vọng muốn sống với mẹ thì có thể hiện rõ lý do là ba thường xuyên uống rượu, kêu mẹ đưa tiền nếu mẹ không đưa thì ba sẽ chửi và đánh mẹ nên hai cháu sợ ba. Xét thấy, hai cháu đều là con ruột của chị K, anh T và hai cháu sống chung với anh, chị nên lời trình bày của hai cháu là trung thực và khách quan chứng minh việc anh T Thường xuyên uống rượu, cãi nhau và đánh chị K là có thật. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có văn bản nào gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh. Điều đó, cho thấy anh T không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị K. Nhận thấy hôn nhân của chị K và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 06/9/2005 và Bùi Hoàng N, sinh ngày 27/11/2008, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu được nuôi hai con chung của chị K thì căn cứ vào bản tự khai của cháu Bùi Minh T và Bùi Hoàng N khi thể hiện nguyện vọng muốn sống với Mẹ (chị K). Xét thấy, cháu T và cháu N đều trên 07 tuổi nên hai cháu có quyền thể hiện nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho chị K về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị K đều khẳng định là không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị K đảm bảo thu nhập của chị sẽ lo tốt cho hai con. Đây là sự tự nguyện của chị K nên Tòa án ghi nhận. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con thì tiếp tục để hai cháu Bùi Minh T, sinh ngày 06/9/2005 và Bùi Hoàng N, sinh ngày 27/11/2008 cho chị K trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp. Anh Bùi Chí T không cấp dưỡng nuôi hai con chung do chị K tự nguyện không yêu cầu. Chị Hà Thanh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc Chị Hà Thanh K chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 53, 54, 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Hà Thanh K.

Chị Hà Thanh K được ly hôn với Anh Bùi Chí T.

2/ Về con chung: Chị Hà Thanh K được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 06/9/2005 và Bùi Hoàng N, sinh ngày 27/11/2008 (hiện hai con chung đang sống với chị K). Anh Bùi Chí T không cấp dưỡng nuôi hai con chung do chị K tự nguyện không yêu cầu. Chị Hà Thanh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Hà Thanh K chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai số 0002880 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008" (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thị xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm